

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Ngành Xây dựng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2210/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành Xây dựng

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 126/TTr-SoXD ngày 24 tháng 26 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Xây dựng, cụ thể:

1. Quy trình nội bộ, quy trình điện tử:

- Quy trình điện tử cấp tỉnh: 19 quy trình;
- Quy trình điện tử cấp xã: 03 quy trình.

(Phụ lục nội dung quy trình TTHC đính kèm)

Trường hợp thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ thì áp dụng thực hiện theo văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025; Các quy trình điện tử giải quyết TTHC trong lĩnh vực hàng hải và đường thủy nội địa có mã số tương ứng được công bố tại Quyết định số 271/QĐ-UBND ngày 22/01/2025; Quyết định số 439/QĐ-UBND ngày 17/02/2025; Quyết định số 1529/QĐ-UBND ngày 12/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Xây dựng; UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức niêm yết, công khai quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính tại trụ sở làm việc, trên Trang thông tin điện tử; triển khai tiếp nhận và xử lý thủ tục hành chính cho người dân theo quy định tại Quyết định này.

Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp Sở Xây dựng và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện cập nhật nội dung, quy trình nội bộ, quy trình điện tử của các thủ tục hành chính đã được công bố theo Quyết định này và tích hợp, kết nối dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện lên Cổng dịch vụ công Quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh theo quy định;

Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ nộp hồ sơ dịch vụ công trực tuyến kiểm thử để đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Khoa học và Công nghệ, Xây dựng; Chủ tịch UBND các xã, phường; Giám đốc Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh, xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC (VPCP);
- Bộ Xây dựng;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- TT. UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Báo Đồng Nai; Đài PT- TH Đồng Nai;
- Tổng đài DVC 1022 (phối hợp công khai);
- Lưu: VT, KTN, Cổng TTĐT tỉnh.

CHỦ TỊCH



Võ Tấn Đức



PHỤ LỤC
NỘI DUNG QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH XÂY DỰNG
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 293 /QĐ-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI
CẤP TỈNH

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd), ghi cụ thể số tiền	Ghi chú
* LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ					
1. Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN. Mã thủ tục: 1.010702– Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận	0,125 ngày làm việc	Không có	
Bước 2	Thẩm duyệt	Phòng Quản lý Vận tải, Phương tiện và Người lái	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	0,25 ngày làm việc		
Bước 4	Trả kết quả	Bộ phận trả kết quả	0,125 ngày làm việc (Không tính thời gian chờ trả dân)		
Tổng cộng thời gian giải quyết			01 ngày làm việc		
2. Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận ASEAN. Mã thủ tục: 1.010704– Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận	0,125 ngày làm việc	Không có	
Bước 2	Thẩm duyệt	Phòng Quản lý Vận tải, Phương tiện và Người lái	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	0,25 ngày làm việc		
Bước 4	Trả kết quả	Bộ phận trả kết quả	0,125 ngày		

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd), ghi cụ thể số tiền	Ghi chú
			làm việc (Không tính thời gian chờ trả dân)		
Tổng cộng thời gian giải quyết			01 ngày làm việc		
3. Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS. Mã thủ tục: 1.002829.H19 – Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận	0,125 ngày làm việc	Không có	
Bước 2	Thẩm duyệt	Phòng Quản lý Vận tải, Phương tiện và Người lái	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	0,25 ngày làm việc		
Bước 4	Trả kết quả	Bộ phận trả kết quả	0,125 ngày làm việc (Không tính thời gian chờ trả dân)		
Tổng cộng thời gian giải quyết			01 ngày làm việc		
4. Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận GMS hoặc sổ TAD. Mã thủ tục: 1.002817– Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận	0,125 ngày làm việc	Không có	
Bước 2	Thẩm duyệt	Phòng Quản lý Vận tải, Phương tiện và Người lái	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	0,25 ngày làm việc		
Bước 4	Trả kết quả	Bộ phận trả kết quả	0,125 ngày làm việc (Không tính thời gian chờ trả dân)		
Tổng cộng thời gian giải quyết			01 ngày làm việc		
5. Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại A, B, C, E, F, G cho phương tiện của Việt Nam. Mã thủ tục: 2.001034– Một phần					

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd), ghi cụ thể số tiền	Ghi chú
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận	0,125 ngày làm việc	Không có	
Bước 2	Thẩm duyệt	Phòng Quản lý Vận tải, Phương tiện và Người lái	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	0,25 ngày làm việc		
Bước 4	Trả kết quả	Bộ phận trả kết quả	0,125 ngày làm việc (Không tính thời gian chờ trả dân)		
Tổng cộng thời gian giải quyết			01 ngày làm việc		
6. Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc. Mã thủ tục: 1.002334– Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận	0,125 ngày làm việc	Không có	
Bước 2	Thẩm duyệt	Phòng Quản lý Vận tải, Phương tiện và Người lái	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	0,25 ngày làm việc		
Bước 4	Trả kết quả	Bộ phận trả kết quả	0,125 ngày làm việc (Không tính thời gian chờ trả dân)		
Tổng cộng thời gian giải quyết			01 ngày làm việc		
7. Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào. Mã thủ tục: 1.002847 – Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận	0,125 ngày làm việc	Không có	
Bước 2	Thẩm duyệt	Phòng Quản lý Vận tải, Phương tiện và Người lái	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	0,25 ngày làm việc		

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd), ghi cụ thể số tiền	Ghi chú
Bước 4	Trả kết quả	Bộ phận trả kết quả	0,125 ngày làm việc (Không tính thời gian chờ trả dân)		
Tổng cộng thời gian giải quyết			01 ngày làm việc		
8. Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia. Mã thủ tục: 1.000302.H19 – Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận	0,125 ngày làm việc	Không có	
Bước 2	Thẩm duyệt	Phòng Quản lý Vận tải, Phương tiện và Người lái	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	0,25 ngày làm việc		
Bước 4	Trả kết quả	Bộ phận trả kết quả	0,125 ngày làm việc (Không tính thời gian chờ trả dân)		
Tổng cộng thời gian giải quyết			01 ngày làm việc		
9. Đăng ký, ngừng khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia. Mã thủ tục: 1.000321.H19 – Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận	0,125 ngày làm việc	Không có	
Bước 2	Thẩm duyệt	Phòng Quản lý Vận tải, Phương tiện và Người lái	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	0,25 ngày làm việc		
Bước 4	Trả kết quả	Bộ phận trả kết quả	0,125 ngày làm việc (Không tính thời gian chờ trả dân)		
Tổng cộng thời gian giải quyết			01 ngày làm việc		

B. QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT TTHC SỬA ĐỔI BỔ SUNG CẤP TỈNH
*** LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ**

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd), ghi cụ thể số tiền	Ghi chú
1. Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia. Mã thủ tục: 1.002877.000.00.00.H19 – Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận	0,125 ngày làm việc	Không có	
Bước 2	Thẩm duyệt	Phòng Quản lý Vận tải, Phương tiện và Người lái	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	0,25 ngày làm việc		
Bước 4	Trả kết quả	Bộ phận trả kết quả	0,125 ngày làm việc (Không tính thời gian chờ trả dân)		
Tổng cộng thời gian giải quyết			01 ngày làm việc		
2. Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia. Mã thủ tục: 1.001023.000.00.00.H19 – Một phần					
* Đối với phương tiện thương mại					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận	0,125 ngày làm việc	Không có	
Bước 2	Thẩm duyệt	Phòng Quản lý Vận tải, Phương tiện và Người lái	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	0,25 ngày làm việc		
Bước 4	Trả kết quả	Bộ phận trả kết quả	0,125 ngày làm việc (Không tính thời gian chờ trả dân và thu phí)		
Tổng cộng thời gian giải quyết			01 ngày làm việc		
* Đối với phương tiện phi thương mại					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận	0,125 ngày	Không có	

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd), ghi cụ thể số tiền	Ghi chú
			làm việc		
Bước 2	Thẩm duyệt	Phòng Quản lý Vận tải, Phương tiện và Người lái	1,25 ngày làm việc		
Bước 3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	0,5 ngày làm việc		
Bước 4	Trả kết quả	Bộ phận trả kết quả	0,125 ngày làm việc (Không tính thời gian chờ trả dân)		
Tổng cộng thời gian giải quyết			02 ngày làm việc		

3. Chấp thuận cơ sở kinh doanh đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ. Mã thủ tục: 1.001666- Một phần

Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận	0,5 ngày làm việc	Không có	
Bước 2	Phân công xử lý	Lãnh đạo phòng Quản lý chất lượng xây dựng	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Thẩm duyệt	Phòng Quản lý chất lượng xây dựng	03 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả	Bộ phận trả kết quả	0,5 ngày làm việc (Không tính thời gian chờ trả dân)		
Tổng cộng thời gian giải quyết			5 ngày làm việc		

4. Cấp chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ. Mã thủ tục: 1.001692 – Một phần

Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận	0,5 ngày làm việc	Không có	
Bước 2	Phân công xử lý	Lãnh đạo phòng Quản lý chất lượng xây dựng	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Thẩm duyệt	Phòng Quản lý chất lượng xây dựng	08 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	0,5 ngày làm việc		

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd), ghi cụ thể số tiền	Ghi chú
Bước 5	Trả kết quả	Bộ phận trả kết quả	0,5 ngày làm việc (Không tính thời gian chờ trả dân)		
Tổng cộng thời gian giải quyết			10 ngày làm việc		

5. Cấp đổi chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ. Mã thủ tục: 1.001725– Một phần

Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận	0,5 ngày làm việc	Không có	
Bước 2	Phân công xử lý	Lãnh đạo phòng Quản lý chất lượng xây dựng	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Thẩm duyệt	Phòng Quản lý chất lượng xây dựng	05 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả	Bộ phận trả kết quả	0,5 ngày làm việc (Không tính thời gian chờ trả dân)		
Tổng cộng thời gian giải quyết			07 ngày làm việc		

6. Cấp lại chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ. Mã thủ tục: 1.001717– Một phần

Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận	0,5 ngày làm việc	Không có	
Bước 2	Phân công xử lý	Lãnh đạo phòng Quản lý chất lượng xây dựng	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Thẩm duyệt	Phòng Quản lý chất lượng xây dựng	03 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả	Bộ phận trả kết quả	0,5 ngày làm việc (Không tính thời gian chờ trả dân)		
Tổng cộng thời gian giải quyết			05 ngày làm việc		

7. Chấp thuận đầu nối đối với trường hợp kết nối với đường bộ không có trong các quy hoạch. Mã thủ tục: 1.013277 - Toàn trình

Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận	0,5 ngày làm việc	Không có	
Bước 2	Giải quyết hồ sơ	Phòng Quản lý kết cấu và ATGT	04 ngày làm việc		
Bước 3	Trình phê duyệt	Lãnh đạo Phòng	01 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	01 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả	Bộ phận trả kết quả	0,5 ngày làm việc (Không tính thời gian chờ trả dân)		

Tổng cộng thời gian giải quyết (đối với trường hợp không phải lấy ý kiến)

07 ngày làm việc

Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận	0,5 ngày làm việc	Không có	
Bước 2	Giải quyết hồ sơ – trình lấy ý kiến	Phòng Quản lý kết cấu và ATGT	10 ngày làm việc		
Bước 3	Trình phê duyệt	Lãnh đạo Sở	01 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt	UBND tỉnh	04 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả	Bộ phận trả kết quả	0,5 ngày làm việc (Không tính thời gian chờ trả dân)		

Tổng cộng thời gian giải quyết (đối với trường hợp phải lấy ý kiến)

16 ngày làm việc

8. Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ. Mã thủ tục: 2.001921 - Toàn trình

Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận	0,5 ngày làm việc	Không có	
Bước 2	Giải quyết hồ sơ	Phòng Quản lý kết	04 ngày		

		cầu và ATGT	làm việc		
Bước 3	Trình phê duyệt	Lãnh đạo Phòng	01 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	01 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả	Bộ phận trả kết quả	0,5 ngày làm việc (Không tính thời gian chờ trả dân và thu phí)		
Tổng cộng thời gian giải quyết			07 ngày làm việc		

9. Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác. Mã thủ tục: 1.009465- Toàn trình

Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận	0,25 ngày làm việc	Không có	
Bước 2	Giải quyết hồ sơ	Phòng Quản lý kết cấu và ATGT	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Trả kết quả	Bộ phận trả kết quả	0,25 ngày làm việc (Không tính thời gian chờ trả dân và thu phí)		
Tổng cộng thời gian giải quyết (đối với đám tang)			01 ngày làm việc		
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận	0,5 ngày làm việc	Không có	
Bước 2	Giải quyết hồ sơ	Phòng Quản lý kết cấu và ATGT	03 ngày làm việc		
Bước 3	Trình phê duyệt	Lãnh đạo Phòng	0,5 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả	Bộ phận trả kết quả	0,5 ngày làm việc (Không tính thời gian chờ trả dân và thu phí)		
Tổng cộng thời gian giải quyết (đối với các trường hợp khác)			05 ngày làm việc		

10. Chấp thuận vị trí đầu nối tạm vào đường bộ đang khai thác. Mã thủ tục: 1.000314- Toàn trình

Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận	0,5 ngày làm việc	Không có	
Bước 2	Giải quyết hồ sơ	Phòng Quản lý kết cấu và ATGT	04 ngày làm việc		
Bước 3	Trình phê duyệt	Lãnh đạo Phòng	01 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	01 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả	Bộ phận trả kết quả	0,5 ngày làm việc (Không tính thời gian chờ trả dân và thu phí)		
Tổng cộng thời gian giải quyết			07 ngày làm việc		

C. QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CẤP XÃ

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnđ), ghi cụ thể số tiền	Ghi chú
* LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ					
1. Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ. Mã thủ tục: 2.001921 - Toàn trình					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận	0,5 ngày làm việc	Không có	
Bước 2	Giải quyết hồ sơ	Phòng Kinh tế hoặc Kinh tế, hạ tầng và đô thị	04 ngày làm việc		
Bước 3	Trình phê duyệt	Lãnh đạo Phòng	01 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	01 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả	Bộ phận trả kết quả	0,5 ngày làm việc (Không tính thời gian chờ trả dân)		
Tổng cộng thời gian giải quyết			07 ngày làm việc		

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd), ghi cụ thể số tiền	Ghi chú
2. Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác. Mã thủ tục: 1.009465- Toàn trình					
- Đối với đám tang:					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận	0,25 ngày làm việc	Không có	
Bước 2	Giải quyết hồ sơ	Phòng Kinh tế hoặc Kinh tế, hạ tầng và đô thị	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Trả kết quả	Bộ phận trả kết quả	0,25 ngày làm việc (Không tính thời gian chờ trả dân)		
Tổng cộng thời gian giải quyết			01 ngày làm việc		
- Đối với trường hợp khác:					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận	0,5 ngày làm việc	Không có	
Bước 2	Giải quyết hồ sơ	Phòng Kinh tế hoặc Kinh tế, hạ tầng và đô thị	03 ngày làm việc		
Bước 3	Trình phê duyệt	Lãnh đạo Phòng	0,5 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả	Bộ phận trả kết quả	0,5 ngày làm việc (Không tính thời gian chờ trả dân)		
Tổng cộng thời gian giải quyết			05 ngày làm việc		
3. Chấp thuận vị trí đầu nối tạm vào đường bộ đang khai thác. Mã thủ tục: 1.000314- Toàn trình					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Tiếp nhận	0,5 ngày làm việc	Không có	
Bước 2	Giải quyết hồ sơ	Phòng Kinh tế hoặc Kinh tế, hạ tầng và đô thị	04 ngày làm việc		
Bước 3	Trình phê duyệt	Lãnh đạo Phòng	01 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	01 ngày		

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd), ghi cụ thể số tiền	Ghi chú
			làm việc		
Bước 5	Trả kết quả	Bộ phận trả kết quả	0,5 ngày làm việc (Không tính thời gian chờ trả dân)		
Tổng cộng thời gian giải quyết			07 ngày làm việc		